

Chương XV

SỰ HÌNH THÀNH PHONG TRÀO QUỐC GIA MỚI: TỪ TRUNG QUÂN SANG ÁI QUỐC, 1896-1907:

Là một dân tộc đã có ít nhất ngàn năm lịch sử thành văn, từng nhiều phen đổ xương máu để bảo vệ chủ quyền của mình và đồng thời mở mang bờ cõi về phía Nam, từ đầu thế kỷ XX, người Việt bắt đầu chiêm nghiệm lý do thất bại của các phong trào Cần Vương, Văn Thân v... v... Kết luận mà đại đa số đều đồng ý là tình trạng chậm tiến của nước Việt, và nhu cầu canh tân, nâng cao dân trí trở nên cấp bách. Tuy nhiên, họ chỉ đồng ý đến đó. Câu hỏi "*Cách nào để canh tân?*" mang lại nhiều đáp án.

Trong số những nhà ái quốc chủ trương duy tân hay cải lương, đổi mới có hai khuynh hướng chính:

- Một số nghĩ rằng trước hết phải giành được độc lập, rồi sẽ hiện đại hóa. Nhật Bản, vì sao đang lên ở Á Châu, được coi như mẫu mực. Cuộc chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905) càng khiến họ thêm nể phục nước "*đông văn*" này. Bởi thế, họ tìm đường sang Nhật cầu viện, và chủ trương "*quân chủ lập hiến*."

- Số khác, dù cũng ngưỡng mộ Nhật Bản, muốn Âu hóa hoàn toàn. Họ chủ trương nên hợp tác với Pháp để đổi mới xứ sở, kể cả việc đổi sang chế độ dân trị, sau đó mới lo được việc giành độc lập.

Hai khuynh hướng này chi phối hầu hết các phong trào "duy tân" trong nước vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

I. PHONG TRÀO "ĐÔNG ĐỘ" HAY "ĐÔNG DU":

Khuynh hướng thứ nhất—tức giành độc lập trước, duy tân sau—do Cử Nhân Phan Bội Châu (1868-1940) và các đồng chí đề xướng. Người được chọn làm Minh Chủ là Hoàng thân Cường Để (1882-1951) dòng dõi Thái tử Cảnh.

A. Sơ lược thân thế Phan Bội Châu (1868-1940):

Phan Bội Châu, theo lời tự thuật, tên thực là Phan Đình San. Thân phụ là Phan Văn Phổ, thân mẫu là Nguyễn Thị Nhân. Sinh đầu 1868 hoặc cuối 1867 (tháng 12 năm Đinh Mão) tại quê ngoại là làng Sa Nam, xã Đông Liệt, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Trong đời hoạt động, Phan Bội Châu còn có nhiều tên khác như Bả Mệ, Sào Nam Tử, Võ Lang, Phan Đình Hân, Trần Tá Hoa, Mễ Điền (do chữ *Phan* tách ra: *Mễ* và *Điền*). (1) Chắc chắn là thân phụ Phan Bội Châu đã không đổi tên từ San thành Châu vì sợ kỵ húy "vua Duy Tân" tức Nguyễn Phước Hoảng (5/9/1907-10/5/1916), tự Vĩnh San, như một dã sử tiểu thuyết ở Mỹ bịa đặt.

1. Phan Bội Châu, *Niên Biểu* (Sài Gòn: 1971), tr. 15-16; Phan Bội Châu, *Niên Biểu* trong Chương Thâu, *Phan Bội Châu Toàn Tập*, Tập 6 (Huế: NXB Thuận Hoá, 1990), tr. 44-294; [Sẽ dẫn: *NB* (Sài Gòn: 1971); *NB* (Chương Thâu)]

Tài liệu mật thám Pháp ghi Phan Bội Châu sinh năm 1868 tại làng Đan Nhiễm, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, tức quê nội, nơi thực ra Phan Bội Châu chỉ trở lại khi đã ba tuổi. (2)

2. CAOM (Aix), PA 13 [Papiers d'agents: Sarraut]; *Ngục Trung Nhật Ký [Tự Phán]* (20/1/1914), bản dịch sang Mỹ ngữ do David G Marr chủ biên, *Phan Boi Chau's Prison Notes*, trong *Reflections from Captivity*, do Christopher Jenkins, Tran Khanh Tuyet và Huỳnh Sanh Thông dịch (Athens, OH: Ohio Univ. Press, 1978), pp 9-56. [Sẽ dẫn: *Prison Notes* (1914), và *Reflections* (1978)]. Giữa hai bản *Tự Phán* (1914) và *Niên Biểu* (1926-1929) có nhiều dị biệt. Chúng tôi chọn chi tiết chính xác nhất trong văn bản, và chú thích những dị biệt, nếu cần.

Về ngày sinh của Phan Bội Châu, chẳng hiểu Chương Thâu dựa vào đâu để ghi Phan Bội Châu sinh "ngày 1 tháng Chạp năm Đinh Mão, tức 26/12/1867." Báo cáo của Léon Sogny cũng ghi năm 1867. (3)

3. *NB* (Chương Thâu), tr. 48, chú 1; "Agitation ... 1905-1908;" CAOM (Aix), PA 13. Một tài liệu văn khố khác ghi Phan Bội Châu sinh năm 1868. (*Xem Phụ Bản*)

Phan Bội Châu nổi tiếng học giỏi từ nhỏ, nhưng đường thi cử lận đận. Khóa Đinh Dậu (1897), can tội mang tài liệu vào trường thi, và bị cấm thi trọn đời. Từ đó lưu lạc ra Bắc Kỳ, rồi vào Huế làm thầy đồ trong nhà Cử Nhân Võ Bá Hạp. Tại kinh đô, Phan Bội Châu giao du với nhiều nhân vật nổi danh và được Hoàng Giáp Tiến Sĩ Nguyễn Thượng Hiền (1865-1925) "điểm nhãn" qua nhiều tác phẩm giá trị cũng như giới thiệu với Tăng Bạt Hổ (?-1906), một võ quan gốc Bình Định, từng tham gia phong trào Cần Vương; sau lưu lạc qua Xiêm La và về Nhật. Tăng Bạt Hổ còn thiết lập một tiệm thuốc ở Lạng Sơn, dùng làm cơ sở liên lạc của Tôn Thất Thuyết và Tán Thuật. Tiệm này trên phố Colonel Martin, năm 1903 hầy còn. Sau bị cháy. Phần Tăng Bạt Hổ chết vào tháng 10/1906..(4)

4. "Agitation ... 1905-1918;" CAOM (Aix), PA 13.

Năm Canh Tý (1900), nhờ sự can thiệp của Tổng Đốc Nghệ An là Đào Tiến [Tán], Phan Bội Châu được dự thi Hương, và đậu đầu [Giải nguyên] trường thi Nghệ An. Nhưng vì Phan Văn Phổ mất vào, trong khoảng từ 23/10 tới 21/11/1900 [tháng 9 Canh Tý], Cử nhân Châu không dự kỳ thi Hội 1901.(5) Trong hai năm 1901-1902, ông mở trường dạy học ở quê nhà, đồng thời liên kết với sĩ phu địa phương để chống Pháp. May nhờ Tổng đốc Trần Đình Phát (con Trần Đình Túc) và Thượng thư Đào Tiến che chở nên được bình yên. Năm 1903, Đào Tiến can nhắc Phan Bội Châu vào "tọa giám"—tức ăn lương trường Quốc Tử Giám để chuẩn bị khóa thi Hội năm 1904.

5. *NB* (Sài Gòn: 1971), tr 25.

Theo Phan Bội Châu, mục đích chính trong chuyến vào Huế là mưu tìm minh chủ và liên kết đồng chí. Trong hai năm kế tiếp, mục tiêu của ông đã đạt. Năm 1903, Tăng Bạt Hổ giới thiệu Cử nhân Châu với Nam Tinh Nguyễn Hàm [tức Thành], Sơn Tấu Đỗ Tuyên, hai cựu thủ lĩnh nghĩa hội, và một số nhân sĩ Nam-Ngãi khác. Tháng 4/1903, qua trung gian của một đại thần, Phan Bội Châu tiếp xúc và được Cường Để, con Tăng Nhu, nhận làm minh chủ.(6)

6. "Agitation ... 1905-1918;" Ibid. Trong *Tự Phán*, ấn bản năm 1950 tại Sài Gòn, Đào Trinh Nhất ghi chính Nguyễn Thành đã đưa ra ý kiến phò lập dòng dõi Thái tử Cảnh; *Prison Notes* (1914), p 17. Xem thêm nhận xét về Cường Để trong báo cáo ngày 26/11/1906, Khâm sứ Brière gửi Toàn quyền; CAOM (Aix), GGI, dossier 9577/53, *infra*.

Thừa lệnh Cường Để, tháng 9/1903, Phan Bội Châu ra đồn điền Phồn Xương, Bắc Giang, xin gặp Hoàng Hoa Thám, nhưng thủ lĩnh Yên Thế không tiếp. Tháng 2/1904, Phan Bội Châu vào Nam gần ba tháng, chu du khắp nơi, nhưng chỉ kết nạp được ông đạo Trần Nhật Thị ở Thất Sơn (Châu Đốc). Nhờ chiêu bài Cường Để, một số giáo mục và giáo dân từ Quảng Bình tới Nghệ An cũng ủng hộ. Đa số giáo mục và giáo dân đều thuộc địa phận Đàng Trong Bắc của Giám mục Louis M Pineau—đã thay Yves Marie Croc từ năm 1886. Sau này, còn có những cộng đồng Ki-tô ở Xiêm La. Ngày 17/10/1909, từ Bao Nham, Adolphe J Louis Klingler và tám [8] cố đạo (A. Bonnet, Martin, André Massaudie, A. Eloy, Blanc, Chapelle, E. Bélière, Loucauf(?)) viết thư với các Giám đốc [Directeurs], tố cáo Giám mục Pineau dung túng cho ba [3] giáo mục Việt cao cấp ở Xã Đoài theo Cường Để. Theo Klingler, từ năm 1908, hai giáo mục Việt là Chúc và Hoàng đã thông báo cho Pineau biết, nhưng Pineau không có phản ứng. Khi Công sứ Vinh can thiệp, Pineau đang tuần du, nên cho lệnh Klingler, Eloy và Chauvet điều tra. Khám xét nhà ba giáo mục Tường, Đông và Lịnh, ngày 2/5/1909, tìm thấy nhiều tài liệu quan trọng. Qua các tài liệu trên giáo mục Lịnh [Đậu Quang Lĩnh], dưới tên giả Mai, sẽ đại diện tất cả dân Ki-tô. Được Klingler báo cáo, Pineau không chịu về ngay giải quyết, lại muốn đi thăm họ đạo Kim Lũ ở vùng núi, mãi tới ngày 13/5/1909 mới trở lại Xã Đoài. Hai ngày sau, 15/5, khi Lịnh tới nơi, mọi việc vỡ lở. Thoạt tiên, Pineau chỉ trao cho Công sứ Vinh những tài liệu không đáng kể của thầy kẻ giảng Khanh. Pineau cũng tự lo việc một mình, khiến cố vấn riêng phải xin từ chức. Trong những ngày kế tiếp, các quan chức Pháp và Việt tra vấn khoảng 150 người, kể cả Klingler. Kết cuộc, ba [3] giáo mục Việt thân cận với Pineau đều bị kết án chín [9] năm tù. Ngày 11/9/1909, họ bị đeo gông dẫn qua đường phố Vinh, xuống tàu ở Bến Thủy, giải giao vào Huế, rồi đày ra Côn đảo. Vì việc này, Pineau xin từ chức. Ngày 9/2/1911, Francois Belleville, Giám mục Amisus, lên thay. Lịch chết ở Côn Đảo; hai người khác được phóng thích, an trí ở Nam Kỳ.(7)

7. ASME (Paris), vol 710B, Tư liệu số 229 và 240. Phan Bội Châu cho rằng Ngô Quảng, một người đã cải đạo, làm môi giới; *NB* (Chương Thâu), tr. 73.

B. Duy Tân Hội & Phong Trào Đông Độ:

Trở lại Huế, Phan Bội Châu soạn tập *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* gửi các quan triều, gây được tiếng vang. Nhưng kỳ thi Hội năm ấy ông không đỗ. Tháng 12/1904, Phan Bội Châu cùng các đồng chí họp ở Quảng Nam, chính thức thành lập *Duy Tân Hội*.⁽⁸⁾ Tài liệu Mật Thám Pháp ghi hội kín này có tên *Việt Nam Quang Phục Hội*. Trong số các thành viên có Trần Đình Phát, Nguyễn Hữu Bài, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thảng, Đào Tiên, Phạm Tấn, Đốc vận Hiền; hầu hết là quan lại Ki-tô. Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn (1867-1923), sau này trở thành Đốc học Hà Tĩnh rồi Bình Thuận, cũng biết rõ mọi chi tiết. ⁽⁹⁾

8. "Agitation ... 1905-1908," CAOM (Aix), PA 13, p 12.

9. Hoàng thân Cường Đê cũng liệt kê những hội viên kể trên; *CDCMCD* 1957, tr. 14. Khi viết tập *Niên Biểu*, Phan Bội Châu không nhắc tên Bài có lẽ vì Bài đang nắm chức Tế tướng triều đình. Tài liệu các giáo sĩ ghi là *Việt Nam Cống Hiến Hội*; ASME (Paris), vol. 710B, tài liệu 231, 232; Vinh Sinh, ed., *Phan Boi Chau and the Dong Du Movement* (New Haven: Yale Center for International and Area Studies, 1988).

Mọi người đề cử Phan Bội Châu qua Trung Hoa và Nhật mua khí giới. Tháng 2/1905, Phan Bội Châu được Tăng Bạt Hổ (Lý Tuệ?) dẫn đường vượt biên sang Hoa Nam. Sau khi tiếp xúc với một số lãnh tụ lưu vong như Tôn Thất Thuyết, Đê Đốc Trần Xuân Soạn, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật v.. v... ở Sa Hà, Triều Châu, Phan Bội Châu qua Nhật vào tháng 5/1905. Lương Khải Siêu (1875-1929)—đã trốn khỏi Trung Hoa sau biến cố 1898, đang chủ biên tờ *Dân Báo [Min Pao]* ở Yokohama (Hoành Tân)—giúp Phan Bội Châu ấn hành tập *Việt Nam Vong Quốc Sử* để quảng bá tinh thần kháng Pháp, Đồng thời, họ Lương giới thiệu Cử nhân Châu với một số nhân sĩ Nhật. Các giới chức Nhật không hứa giúp việc đánh Pháp, chỉ muốn gặp mặt lãnh tụ của tổ chức.⁽¹⁰⁾

10. *NB* (Sài Gòn: 1971), tr. 54-7; GGI, Commission criminelle du Tonkin (Année 1925), "Affaire Phan Boi Chau: Rapport du Président de la Commission criminelle" (25 nov 1925); "Agitation 1905-1918," p 8, và Báo cáo của Sogny; CAOM (Aix), PA 13. Xem thêm lời cung của Nguyễn Thái Bạt (tức Tiến sĩ Nguyễn Phong Gi) ngày 31/12/1912 (?); Ibid. 9 PA, carton 5.

Đầu tháng 8/1905, Phan Bội Châu lên đường về nước, với ý định đưa Cường Đê xuất ngoại. Vì mật thám Pháp kiểm soát gắt gao, Cử nhân Châu chỉ bí mật gặp Đặng Nguyên Cẩn (1867-1923) và Ngô Đức Kế (1878-1929) tại Hà Tĩnh, rồi sai học trò vào Huế báo cáo với Cường Đê. Sau đó, lại vội vã vượt biên.⁽¹¹⁾

11. Theo một tài liệu Pháp, Cao Xuân Dục cũng dính líu; Ibid.

Phản Cường Đê, thoát tiên, dự trù vào Nam để vận động và tổ chức thân hào nhân sĩ. Nhưng vì tập *Việt Nam Vong Quốc Sử* sắp ấn hành, các đồng chí thúc dục

Hoàng thân sớm xuất ngoại. Từ ngày này, một số triều thần bắt đầu hướng về Cường Đê, dù ngoài mặt ra về trung thành với Bảo hộ và Nguyễn Phước Chiêu. Tài liệu Pháp ghi nhân dịp này Cử nhân Châu gặp Phó bảng Phan Chu Trinh và Cử Nhân Phan Thúc Duyệt [Diện], tại nhà Nguyễn Thành (1863- 1911), tức Âm Hàm, ở xã Thanh Mỹ, huyện Lễ Dương (nay là Thăng Bình), Quảng Nam; và hai người phản đối việc lập Cường Đê, vì dưới ảnh hưởng của vài người Pháp, nhóm Phó bảng Trinh và Cử nhân Diện bắt đầu cổ vũ chủ trương Cộng Hoà, lên án chế độ quân chủ như chẳng mang lại lợi ích gì cho đất nước. (12)

12. "Agitation ... 1905-1918," tr. 12; Ibid., PA 13.

Tài liệu khác ghi Phan Chu Trinh, cùng Huỳnh Thúc Kháng, được mời tới nhà Âm Hàm gặp Phan Bội Châu.

Tháng 2/1906, Cường Đê trốn qua Trung Hoa, theo ngả Hải Phòng. Hoàng thân ghé thăm Tôn Thất Thuyết ở Triều Châu, rồi sang Quảng Châu gặp Phan Bội Châu. Tại đây, ngày 15/1/1906, báo *Ling Sao* đã đăng *Hải Ngoại Huyết Thư* của Phan Bội Châu. Một báo khác cũng loan tin một Hoàng tử Việt trốn khỏi nước. Tháng 5/1906, Phan Bội Châu đưa Cường Đê sang Nhật. Tại Huế, mãi tới ngày 22/3/1906, Tôn Nhơn Phủ mới báo cáo lên Khâm sứ việc Cường Đê xuất ngoại.

Theo Cường Đê, ngày 27/1/1906 [Mồng 3 Tết Bính Ngọ], Hoàng thân rời Huế, vào Quảng Nam. Ngày 4/2/1906 [11/1 Bính Ngọ], xuống tàu ở Đà Nẵng cùng Đặng Tử Kính và Đặng Thái Thân, ra Hải Phòng. Vào Nam Định ít ngày, rồi trở lại Hải Phòng, cùng Đặng Tử Kính xuống tàu của Lý Tuệ (Tăng Bạt Hổ) chạy đường Hong Kong. (13)

13. *CĐCMCD* (1957), tr. 20-22.

Việc cầu viện vẫn thất bại. Các chính khách Nhật chỉ chấp thuận đón nhận du học sinh Việt. Phan Bội Châu và Cường Đê chẳng còn cách nào khác hơn phát động Phong trào "*Đông Độ*" (hay Đông Du) theo lời khuyên của Lương Khải Siêu. Phong trào này kéo dài khoảng ba năm, từ 1906 tới 1908. Số du học sinh, từ 8 đến 20 tuổi, được khoảng hơn 100 người. Đại đa số gốc miền Nam, do Đặng Bình Thành (Huỳnh Nghi, tức Hoàng Hưng) cầm đầu. Phan Bội Châu chịu trách nhiệm khoảng 50 học sinh Bắc và Trung, kể cả Cường Đê, Phan Bá Ngọc, Đặng Tử Kính, Nguyễn Thúc Canh (Trần Trọng Khắc tức Trần Hữu Công), Nguyễn Thái Bạt (con nuôi Nguyễn Thượng Hiền), Lương Ngọc Quyến (con Cử Nhân Lương [Văn] Can, đã qua Nhật từ trước).

Để quảng bá đường lối đấu tranh, Phan Bội Châu gửi về nội địa nhiều tài liệu như *Hải Ngoại Huyết Thư*, *Khuyến Du Học* v.. v... Ông cũng soạn thảo một tài liệu ký tên Cường Đê với tựa *Kinh Cáo Toàn Quốc Phụ Lão Văn*. Những tài liệu tuyên truyền này gây tiếng vang trong giới sĩ phu.

Song song với phong trào Đông Du, nhiều cơ sở kinh tài của tổ chức Duy Tân được thiết lập. Tại Hà Nội, Cử Nhân Can và Tú Tài Nguyễn Quyền xin phép mở *Đông Kinh Nghĩa Thục* với mục đích giúp các thiếu niên nghèo có cơ hội học quốc ngữ mới miễn phí. Thực tế học viện trở thành nơi tuyển mộ nhân tài gửi qua Nhật,

và đồng thời là trung tâm phổ biến tư tưởng canh tân trong khuôn khổ "đồng văn" (hình thái đầu tiên của chủ thuyết Đại Đông Á). Nhóm chủ trương còn xuất bản tờ *Dăng Cổ Tùng Báo*. Ngoài số tiền quốc dân đóng góp, Đông Kinh Nghĩa Thực liên hệ với các cơ sở thương mại như nhà thuốc Đông Lợi Tế, và tiệm tạp hoá Đông Thành Xương ở Hà Nội. Hoàng Tăng Bí, một trong bốn người chủ trương, là chủ nhân Đông Thành Xương. Sau khi Pháp đóng cửa học viện vào tháng 11/1907, Nguyễn Quyền xoay sang điều khiển tiệm thuốc *Đông Lợi Tế*. Tại vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, Tiến sĩ Kế và Đốc học Cẩn mở công ty *Triều Dương* ở Vinh (Nghệ An), và Giải nguyên Lê Văn Huân (1875-1929) làm chủ cơ sở thương mại ở chợ Trô (Hà Tĩnh). Nam-Ngãi có *Hiệp Thương* ở Faifo. Tại Sài Gòn, Gilbert Trần Chánh Chiêu mở *Minh Tân khách sạn* và xuất bản tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* (tức Tin Sáu Tỉnh Nam Kỳ, số ra mắt ngày 2/11/1907).(14)

14. Marr, *Anti-Colonialism*, 1971, p 136.

Cuối năm 1906, đầu năm 1907, Phan Bội Châu về nước lần thứ hai. Ông liên kết được với Đề Thám. Đề Thám đồng ý cho mượn đất để làm căn cứ. Ngoài ra Phan Bội Châu còn bí mật gặp các đồng chí thân tín như Đặng Thái Thân (1874-1911), Lê Võ, Ngô Đức Kế, Nguyễn Cẩm Giang (tức Vũ Hải Thu hay Nguyễn Hải Thần, 1878-1959) v.. v... trước khi trở lại Nhật. Sau đó, tại nội địa, Đặng Thái Thân chịu trách nhiệm tổng quát, Nguyễn Cẩm Giang đặc trách Bắc Kỳ, Đặng Tử Kính (?-1928) đặc trách Trung Kỳ.

Phong trào Đông Độ khiến người Pháp đặc biệt quan tâm. Tại nội địa, một mặt, để rút gió đang làm căng cánh buồm Đông Du, Toàn quyền Beau phát động nhiều cải cách về giáo dục. Mặt khác, Beau ra lệnh các địa phương gây áp lực những gia đình có con em Đông độ, bắt họ phải kêu gọi du học sinh hồi hương. Ngoài ra, Beau cũng yêu cầu các nơi âm thầm giám thị hoạt động của những nhóm duy tân.

Mùa Thu 1907, người Pháp bắt đầu ra tay đàn áp. Tại Hà Nội, *Đông Kinh Nghĩa Thực* bị rút giấy phép sau 8 tháng hoạt động. Tại Nghệ-Tĩnh, Tiến Sĩ Kế, Cử nhân Đặng Văn Bá, Giải nguyên Huân cùng một số người bị tạm giam để tra cứu. *Triều Dương thương cuộc* phải đóng cửa. Đặng Thái Thân cùng một số đồng chí trốn vào núi. Đốc học Cẩn bị chuyển vào Bình Thuận. Tại Quảng Nam, *Hiệp Thương* ở Faifo (Hội An) bị giải tán. Giáo thụ Trần Quý Cáp bị chuyển vào Ninh Hòa (Khánh Hòa). Trường Dục Thanh ở Phan Thiết cũng tự động đóng cửa. Qua năm 1908, xử lý Thường Vụ Toàn Quyền Louis Bonhoure còn xuống tay mạnh hơn. Đích thân Khâm sứ Levecque chỉ thị cho các quan Việt ở Huế và Hà Tĩnh phải làm cho bằng được một bản án khép tội nhóm Tiến sĩ Kế. Từ tháng 8-9/1907 (7 Đinh Mùi, 9/8-7/9/1907), Khâm sứ Huế đã cho lệnh quan tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ 12 người: Ngô Đức Kế, Đặng Văn Bá, Đào Văn Huân, Đào Sứ, Nguyễn Sĩ Văn, Nguyễn Đông, Phan Hải Châu, Cậ Hai, Tú [Lê] Ngôn, Âm [Lê] Võ, Phan Hữu Nghi, Đầu xứ Kỳ; (15)

15. Xem "Bản án chống Phan Bội Châu, Âm Võ, Ngô Đức Kế và đồng bọn (Hà Tĩnh, 7/5/1908);" CAOM (Aix), GGI, d. 5887.

Không hài lòng với bản án này, nhân dịp rối loạn ở Hà Tĩnh năm 1908, Levecque cho lệnh bắt Phó bảng Cẩn, đưa ra Hà Tĩnh xét xử, và thay Tuần phủ Hường Khán bằng cựu Bộ chính Khánh Hòa Phạm Ngọc Quát, người làm án tử hình Tiến sĩ Trần Quý Cáp (1869-1908). (Nên lưu ý là theo thông lệ, việc làm án giao cho Án Sát, Tuy nhiên, trong vụ dân biến 1908, Hội đồng xét xử gồm cả Tổng đốc (hay Tuần vũ), Bộ chính và Án Sát. Quan trọng hơn nữa là chỉ thị của các công sứ hay Khâm sứ). Xem *infra*.

Mặt khác, Paris sử dụng đường lối ngoại giao, can thiệp mạnh mẽ với Nhật Bản, đòi trục xuất Cường Đê, Phan Bội Châu cùng các du học sinh. Năm 1907, Nhật bắt đầu đáp ứng yêu sách của Pháp. Phong trào Đông Du hay Đông Độ tàn lụi dần. Cuối cùng, năm 1909, Phan Bội Châu và Cường Đê cũng phải rời Nhật. Mọi nỗ lực của Cử Nhân Châu và các đồng chí sau đó chỉ lưu danh thiên cổ hơn hy vọng thành công. Hầu hết những du học sinh đều mai một dần ở Trung Hoa hay Xiêm La. Một số đầu hàng Pháp như Lê Dư, Nguyễn Thái Bạt, Phan Bá Ngọc, Nguyễn Bá Trác. Chỉ còn Nguyễn Hải Thần, Cường Đê cùng đôi ba người trẻ tuổi như Trần Phước An, Huỳnh Chi, Đỗ Văn Y, v.. v... có cơ hội tái xuất hiện trong thời Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945).

II. PHONG TRÀO "CẢI LƯƠNG/TIẾN HOÁ" HAY ÂU HOÁ:

Mặc dù có thiện cảm với phong trào "Đông Độ" và đồng một chủ trương nâng cao dân trí, một số nhà nho yêu nước muốn hợp tác với người Pháp để "lãnh hội văn minh," chờ ngày giành độc lập. Phát cờ tiên phong cho khuynh hướng này có Phó Bảng Phan Chu Trinh và Tiến Sĩ Trần Quý Cáp.

Phan Chu Trinh sinh ngày 9/9/1872, hoặc 10/10/1874 tại Tây Lộc, Quảng Nam An Nam [tức Tam Kỳ]. Cha là Phan Văn Bằng, mẹ là Lê Thị Trung. Phan Văn Bằng từng theo lãnh tụ Cản vương Nguyễn Duy Hiệu [Hường Hiệu] lên núi lập chiến khu đánh Pháp. Hai năm sau, vì nghi Bằng tiếp xúc với Nguyễn Thân, Hường Hiệu cho lệnh xử tử. Năm 1887, Phan Chu Trinh trở lại quê nhà, bắt đầu nghiên bút. Sau hai lần thi hỏng, năm 1900, đậu cử nhân. Qua năm sau, đậu Phó Bảng. Sau đó, được học bổng theo chương trình Hậu bổ tại Tây Tựu Quốc Học Huế, chờ ngày bổ nhậm. Năm 1905, giữ chức Hành Tẩu Bộ Lễ một thời gian ngắn, rồi từ quan, hoặc bị sa thải. (17)

17. Trong hồ sơ xin nhập tịch Pháp, Phan Chu Trinh khai sinh ngày 9/9/1872. Một tài liệu khác ghi Trinh sinh ngày 10/10/1874 tại Tây lộc, An-Nam; CARAN (Paris), F7-13405. Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, tập I (1997), tr. 113-23. Năm 1973, nguyệt san *Bách Khoa* (Sài Gòn) ra một số đặc biệt về Phan Chu Trinh, công bố vài tư liệu văn khố Pháp, nhưng được dẫn giải thêm bằng những dã sử tiêu thuyết như Toàn quyền Albert Sarraut đã ăn cắp tư tưởng Phó bảng Trinh, chỉ dựa theo một mẫu nhắn tin cho biết cha con Phó bảng Trinh được kéo dài thời gian ở Pháp thêm một năm; “Sơ lược gia hệ

Phan Tây Hồ;" *Bách Khoa* (Sài Gòn), Giai phẩm D [tức số 405, ngày 1/3/1973], tr. 16-18;

Thời gian ở Huế, Phan Chu Trinh có dịp làm quen với Phan Bội Châu. Trong kỳ thi Hội 1904, một số học trò Cử nhân Can và nho sĩ địa phương, kể cả Phan Chu Trinh, tổ chức nhiều buổi hội thảo cổ súy thuyết Cộng Hòa. Bắt đầu ảnh hưởng "tân thư" của Trung Hoa—tức sách vở nghiên cứu về Tây phương và chủ trương Cộng Hòa—Phan Chu Trinh hơn một lần công kích chế độ quân chủ, và từng kết án vua là "giặc của dân" (*dân tộc độc phu*). Những lời chỉ trích này khiến giới quan lại cực kỳ bất mãn.(17)

17. "Agitation ... 1905-1918," p. 31n2; CAOM (Aix), PA 13.

Năm 1906, Phan Chu Trinh bí mật qua Trung Hoa. Gặp Cường Để và Phan Bội Châu ở nhà Lưu Vĩnh Phúc tại Quảng Đông, nhưng khi được mời gia nhập Duy Tân Hội, Phó bảng Trinh từ chối. Trong những cuộc mạn đàm, Phó bảng Trinh cũng bộc lộ ý chống đối quân chủ qua việc công kích các tài liệu ký tên Cường Để. Sau khi thăm Tokyo, Phó bảng Trinh trở lại Hong Kong, rồi về nước.(18)

18. "Agitation ... 1905-1918;" CAOM (Aix), PA 13. *NB* (Sài Gòn: 1971), tr. 70-74; *NB* (Chương Thân), tr. 113-116; *Prison Notes* (1914), p 38.

Về tới Quảng Nam, Phan Chu Trinh nhờ một giáo sĩ giới thiệu với Công sứ Jean Charles ở Faifo, trình bày rõ chuyến đi của mình. Đầu tháng 11/1906, Phan Chu Trinh còn gửi cho Toàn Quyền Beau một lá thư xin hợp tác, tức "Đầu Pháp Chính Phủ Thư." Trong thư, Phan Chu Trinh cực lực đả kích tệ nạn tham nhũng, thối nát của quan lại Việt đương thời, và nền giáo dục hiện hành, quảng bá chủ trương "thờ người Pháp như bậc thầy để cầu tiến bộ." Beau sai Edouard Huber dịch qua Pháp ngữ, đăng trên tờ *Thành Tích Pháp Quốc Viễn Đông Học Viện* (*Bulletin de L'Ecole Francaise d'Extrême-Orient*), thường được biết như *Kỷ Yếu Của Trường Viễn Đông Bác Cổ*. (19)

19. Thư này đề ngày "15 tháng 9 năm Thành Thái thứ 16"; *BEFEO* (Hà Nội), VII:1-2 (1-6/1907), pp 166-75.

Cũng trong năm 1906, Tiến Sĩ Trần Quý Cáp được cử làm Giáo thụ phủ Thăng Bình (Quảng Nam). Hai người bèn cùng thân sĩ đồng hương như Tiến Sĩ Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), Cử Nhân Phan Thúc Điện, Lê Bá Thuận (tự Trinh) v.. v... hô hào việc mở mang hương học. Năm 1907, Tiến Sĩ Cáp bị thuyên chuyển vào Ninh Hòa. Nhân dịp này Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng đưa bạn tới nhiệm sở, và ghé thăm Phan Thiết, dừng chân tại hãng nước mắm Liên Thành của Hồ Tá Bang.(20)

20. Báo cáo số 21, ngày 6/4/1908, của công sứ Phan Thiết.

Từ Phan Thiết, Phan Chu Trinh đi thẳng ra Bắc. Ông xuất hiện ở Đông Kinh Nghĩa Thực, cổ võ chế độ "dân trị" và lập trường "ý Pháp cầu tiến bộ." Phó bảng

Trinh cũng làm quen với Ernest Babut, một cựu binh sĩ Pháp đã giải ngũ, lúc ấy đang làm chủ *Đại Việt Tân Báo* ở Hà Nội—có lẽ qua sự giới thiệu của một bạn học cũ ở trường Quốc Học là Đào Trinh Nhất, đang phụ trách phần phiên dịch chữ Hán.(21)

21. Xem, Ernest Babut, “A propos de Phan Chu Chinh;” *L’Indo-Chinois*, 30/4/1908. Xem thêm CAOM (Aix), INF, carton 51, d. 604, và SLOTFOM, Séries II, carton 6.

Một số viên chức thuộc địa Pháp không dấu sự hoài nghi về những lời hô hào hợp tác của Phan Chu Trinh. Họ cho rằng Phó bảng Trinh cũng như những nhà nho “bất mãn, thất nghiệp” muốn lập một đảng quốc gia để giành độc lập. Việc tấn công những tệ hại của giới quan trường hay kêu gọi Pháp trực trị chỉ nhằm “*phá không cho cai trị*”—mà một thông ngôn dịch thành “*briser administration*”—hầu tạo nên một tình trạng vô chính quyền. (22)

22. Báo cáo ngày 3/5/1908 của Công sứ Charles; CAOM (Aix), GGI, d.

Bởi thế, Toàn quyền Beau cũng như Khâm sứ Levecque cho lệnh bí mật giám thị. Phần các quan lại Việt cũng ngấm ngầm oán ghét. Nhân dịp bắt được Lê Văn Hạ—một thủ hạ cũ của Phan Đình Phùng—quan chức Pháp-Việt có trong tay tài liệu để hãm hại Phó bảng Trinh là đồng đảng với Phan Bội Châu, muốn dựa vào Nhật để lật đổ Pháp. Tuy nhiên, Thống sứ Joseph de Miribel chỉ gọi Phan Chu Trinh đến cảnh cáo.

Tại Quảng Nam, sau khi Beau đã về nước, Công sứ Charles bắt đầu xuống tay với nhóm Duy tân. Tiệm *Hiệp Thương* ở Faifo bị giải tán. Rồi đến lượt trường hương học do Phan Chu Trinh và các đồng chí thiết lập phải đóng cửa vì “tiếng trống nhập học làm phiền các nông dân.” Nhưng cơ hội bằng vàng cho Levecque và Charles là vụ biểu tình chống sưu thuế vào mùa Xuân 1908 sẽ đề cập đến trong chương sau.

III. SỰ CHUYỂN HƯỚNG CỦA HỘI TRUYỀN GIÁO:

Từ năm 1890, nếu không phải sớm hơn, một hiện tượng đặc thù xảy ra là sự rạn nứt giữa Hội truyền giáo và chính quyền thực dân Pháp, đưa đến những tranh chấp không ngừng, có thể gọi là “chiến tranh lạnh.”

Cuộc chiến tranh lạnh này đã khởi đầu từ ngày chủ nghĩa Cộng Hòa và khuynh tả thống trị chính giới Pháp, và chỉ tạm hòa hoãn trong giai đoạn 1895-1899, thường được biết như thời kỳ “*ralliement*”—tức chiêu hồi hay liên kết giữa hai phe Ki-tô và Cộng Hòa trung dung, để ngăn chặn ảnh hưởng phe tả khuynh. Từ năm 1899, Quốc Hội Pháp trực diện tấn công Giáo hội bằng các Sắc luật năm 1901, 1904 và 1905, chính thức giải thoát xã hội Pháp khỏi sự kèm tỏa của thần quyền Ki-tô từ nhiều thế kỷ. Dưới thời chính phủ Emile Combes (1902-1904) của Khối Tả phái (*Bloc des Gauches*), tinh thần chống Giáo hội ngày càng mạnh.(23)

23. ASME (Paris), vol. 705, tr. 574-5.

Tại Đông Dương, những nhân vật Cộng Hòa hay tả khuynh cũng không ngừng đả kích Hội truyền giáo cùng chủ trương thống trị, "Ki-tô hoá và đồng hoá." Đồi lại, Hội truyền giáo, giới quân sự và các nhóm viên chức thuộc địa bảo thủ cũng tạo thành một liên minh đánh phá Jean de Lanessan, đưa đến việc triệu hồi viên Toàn quyền này, dù thái độ của de Lanessan với Hội Truyền giáo khá thân mật. Năm 1893, chẳng hạn, khi tờ *Le Courrier d'Haiphong* cho đăng một loạt bài có vẻ đả kích chủ trương thống trị và đồng hoá mà Hội truyền giáo theo đuổi, các giáo sĩ không chịu yếu thế. Họ quyết dùng báo chí để phản công, xuất vốn mua tờ *L'Avenir du Tonkin* (Tương lai Bắc Kỳ) ở Hà Nội. Ngày 18/7/1893, de Lanessan phải viết thư cho Giám mục P. Gendreau—mới thay Puginier ở Đàng Ngoài Tây—khuyến Gendreau đừng nên dính líu vào những cuộc bút chiến trên báo chí. Trong thư trả lời ngày 23/7/1893, Gendreau khẳng định rằng báo chí là phương tiện duy nhất để tự vệ.(24)

24. Ibid., vol 705, tr. 578-9; vol. 759, p 452.

Ít lâu sau, tới cuộc bút chiến giữa Linh mục J. B. Guerlach và một cựu viên chức bưu điện ở Tourane, Camille Pâris, sau chuyển sang khai thác đồn điền ở cao nguyên Trung Kỳ thuộc khu vực dân Sê-đăng (Kontum). Pâris tố cáo Hội truyền giáo đã che chở cho tay phiêu lưu "Hầu tước de Mayréna" chiếm đoạt đất của dân Sê-đăng để thành lập một vương quốc với Giáo sĩ Ki-tô làm quốc sư.(25) Guerlach—một trong những cựu thủ lĩnh "thập tự quân"—truy tố Pâris ra tòa về tội mạ lỵ. Tuy nhiên, Pâris được trắng án. Cuộc tranh chấp chỉ chấm dứt sau cái chết bí ẩn năm 1908 của Pâris tại đồn điền.

25. Thư ngày 27/12/1888, Khâm sứ gửi Giám mục Van Camelbeke; ASME (Paris), vol 751, Tư liệu số 109; bản tự bào chữa ngày 9/3/1889 của de Mayréna; Ibid., số 110; Jean Marquet, "Un aventurier du XIX^e siècle: Marie 1er, roi des Sédangs (1888-1890)," BAVH, 1927, tr. 1-135; và "Làm vua lồi mới;" *Tiếng Dân* (Huế), 18, 22, 25 & 29/6/1932.

Các báo thuộc nhóm "*Radical*" (Cấp tiến) hay "*Lodge*" (Tam Điểm) khác như *L'Indépendance tonkinoise* (Độc Lập của Bắc Kỳ) của Alfred Lévassieur, và *Le Mékong* (Cửu Long) của Ulysse Leriche cũng mở nhiều đợt tấn kích Hội truyền giáo. Trong số báo ra ngày 22/5/1897, chẳng hạn, *Le Mékong* loan tin một trong 10 nữ tu y tá đã bỏ tu hành nghề mãi dâm. Ngày 12/6/1897, Jean Marie Depierre, Giám mục Đàng Trong Tây—người đã tổ chức quyên góp dựng tượng Pigneau de Béhaine ở Sài Gòn—khởi tố với Tổng Biện lý Assaud. Trước đó, ngày 25/5/1897, Depierre còn viết thư cho Leriche, cáo buộc *Le Mékong* dối trá khi bình luận rằng Hội truyền giáo là "ổ chống đối sự thống trị của Pháp."(26)

26. ASME (Paris), vol 759, Tư liệu số 451 và 452.

Ngoài ra, các nhà in Rey, Curiol, và Francois H. Schneider cũng có lập trường chống Hội truyền giáo, đặc biệt hai tờ *L'Univers* (Vũ Trụ) và *La Croix* (Thập Tự Giá), cơ quan ngôn luận của Giáo hội.

Các nhóm tả khuynh còn vận động việc ban hành nghị định áp dụng ba đạo luật 1901, 1904 và 1905 tại Đông Dương; nhưng Beau—trước sự đe dọa của các Giáo sĩ, và vì quyền lợi thuộc địa—không dám trực diện Hội truyền giáo. Thời gian này Hội truyền giáo đã phát triển và củng cố tổ chức chặt chẽ theo hàng dọc, từ các giáo phận xuống giáo xứ, họ đạo. Hầu hết các họ đạo tại các xã thôn đều do các giáo mục (*curé*) bản xứ trông nom. Mỗi giáo phận là một tiểu vương triều tự trị, với những luật lệ riêng. Dưới sự hướng dẫn của các linh mục, giáo dân trở thành kiều dân, hoành hành bất kể luật pháp. Alphonse Louis Klingler ở Nghệ An và Martin ở Thanh Hoá chỉ là những thí dụ tiêu biểu.

Không những chỉ lấn áp dân chúng, đập phá chùa chiền, cướp đoạt ruộng đất, công điền công thổ tại các xã lẫn lộn người Lương và giáo dân, "thập tự quân" còn kéo nhau đi làm tiền cả thân nhân Từ Dụ Thái Hoàng Thái hậu, hay cựu Phụ chính Đại thần Trương Quang Đản, vì tư gia họ đã dùng gỗ lim, mới bị ra lệnh cấm đẵn để dành độc quyền cho các nhà khai thác.(27)

27. Ibid., vol 710B; Báo cáo ngày 24/8/1896, 16/9/1896, và 5/11/1896, Brière gửi Toàn quyền; CAOM (Aix), AF, carton 8, d. A-20 (43); Báo cáo ngày 17/12/1907, Beau gửi BT Thuộc địa; Ibid., carton 9, d. A-20 (54).

Các quan lại chẳng ai dám phản ứng, vì phạm lỗi với các giáo sĩ hay linh mục bản xứ sẽ lập tức bị cách chức, hay quở phạt.(28)

28. Báo cáo ngày 18/8/1887, Khâm sứ gửi Toàn quyền; Ibid., Amiraux 10508; Báo cáo ngày 2/9/1889, Piquet gửi BT Thuộc địa; Ibid., carton 7, d. A-20 (34); Cao Huy Thuần 1990, p 407.

Trước viễn ảnh rạn nứt khó tránh giữa chế độ Bảo hộ Pháp và Hội truyền giáo—đồng thời, để tạo áp lực với các viên chức "rối đạo"—các giáo sĩ tìm cách móc nối, ăn rế vào Hoàng tộc và những phong trào kháng Pháp. Một mặt, giới quan lại xuất thân thông ngôn được yểm trợ ngày một thăng tiến nhanh trong triều đình, hầu gây ảnh hưởng với vua và Hoàng tộc. Mặt khác, một số tìm cách liên kết với tổ chức Duy Tân Hội của Phan Bội Châu và Cường Để, dòng dõi duy nhất của Thái tử Cảnh. Sự ủng hộ của số giáo sĩ, giáo dân từ Vinh tới Quảng Nam—kể cả nhóm Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, Mai Lão Bạng, v.. v...—liên hệ không nhỏ với bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh giữa Giáo hội và phe tả khuynh Pháp.(29)

29. Giám mục Louis Pineau của Nam Đàng Ngoài, chẳng hạn, đã bị các linh mục trẻ như A. Louis Klingler tố cáo quay mặt làm ngơ cho ba giáo mục bản xứ gia nhập tổ chức Cường Để. Xem, *supra*.

Tuy nhiên, tương cũng cần nhấn mạnh, khối giáo dân—hoặc ít nữa các nhóm thiểu số giáo sĩ và giáo dân tham vọng—không đoàn kết, nhất trí như có thể ngộ nhận. Đường nứt rạn lớn nhất là giữa hai giáo phận gốc Espania—có liên hệ chặt

chê với Manila (Philippines), và Roma—và các giáo phận của Hội Truyền giáo Pháp. Thêm nữa, ý thức chủng tộc cũng tách biệt dân giáo dân Việt và giáo sĩ ngoại quốc—đặc biệt là các giáo sĩ Pháp. Sau gần nửa thế kỷ được Pháp "giải phóng" (nói theo ngôn ngữ của Petrus Key năm 1859), giáo mục và giáo dân Việt vẫn bị xếp loại tín hữu hạng nhì. Triều đình Ki-tô Đông Dương vẫn do các "cha triều" Pháp thống trị. Chưa một "linh mục triều" người Việt nào được lên chức Giám mục. Nói cách khác, Hội truyền giáo Pháp tự nó cũng là một tiểu vương triều "trắng" bảo hộ tiểu vương quốc Ki-tô "vàng/nâu." Hội truyền giáo cũng không chỉ có con chiên người Việt. Các giáo sĩ bắt đầu mở mang họ đạo tới những vùng sơn cước ở Trung và Bắc Kỳ. Từ thập niên 1900, toàn thể Đông Dương đã chia làm 7 giáo phận. Tại Bắc Kỳ, thêm giáo phận "Haut Tonkin" (Đường Ngoài Cao), để lo việc Ki-tô hoá dân thiểu số. Tại Trung Kỳ, hai giáo phận Đường Trong Đông và Đường Trong Tây nỗ lực Ki-tô hoá các sắc tộc Ê-đê [Rhadé], Gia-rai [Jarai hay Gia Lai], Sê-đăng, Bahnar, v.. v... trên cao nguyên.(30)

30. Năm 1908, Đường Ngoài Tây có 1 Giám mục (GM), 48 Linh mục Pháp (LM), 95 giáo mục bản xứ (curé, sẽ viết tắt gm), 365 thầy kẻ giảng (tkg), 140,379 tín đồ (tđ); Đường Ngoài Nam: 1GM, 38 LM, 81 gm, 290 tkg, 139,276 tđ; Đường Ngoài Cao: 1 GM, 27 LM, 21 lm, 105 tkg, 21,730 tđ; Đường Ngoài Biên: 1 GM, 36 LM, 59 gm, 189 tkg, 89,000, tđ; Đường Trong Đông: 1 GM, 65 LM, 40 gm, 82 tkg, 72,636 tđ; Đường Trong Tây: 1 GM, 71 LM, 78 gm, 30 tkg, 66,163 tđ; Đường Trong Nam: 2 GM, 43 LM, 60 gm, 30 tkg, 57,886 tđ; Société des Missions-Etrangères [SME], Bảng thống kê (1908).

IV. CUỘC TRUẬT PHỄ 1907:

Tại Huế, vua Nguyễn Phước Chiêu—theo tài liệu văn khố Pháp—ngày càng tạo nên nhiều con sóng bất mãn. Ngày 22/5/1906, trong một phiên họp của Cơ Mật, Levecque than phiền về việc Nguyễn Phước Chiêu "quên" cho gặp mặt để giới thiệu tân Tư lệnh Pháp ở Trung Kỳ.(31)

31. CAOM (Aix), GGI, dossier 9620.

A. NGUYỄN PHƯỚC CHIÊU BỊ CẤM TỨC:

Ngày 16/6/1906, Levecque gửi điện văn cho Hà Nội, báo tin mẹ của Thái tử bị tra tấn chết. Đồng thời, xin phê chuẩn biện pháp cấm tức vua.(32)

32. Ibid., GGI, dossier 9577. Chúng tôi chỉ trưng dẫn các nguồn tài liệu khác nếu sử dụng.

3 giờ chiều hôm sau, do sự yêu cầu của các đại thần, Levecque triệu tập một phiên họp khẩn của Viện Cơ Mật. Sau đó, Levecque cùng hai bác sĩ (Dumas và Durand), và Chánh văn phòng Serre, vào tận Cấm cung gặp Nguyễn Phước Chiêu. Vua tuyên bố trong cung cấm có một vụ trộm, và đã cho lệnh tra cứu. Một vài phi tần bị khảo tra, nhưng không ai bị thương nặng. Khâm sứ và tùy tùng được gặp 4

người bị thương nhẹ. Tuy nhiên, 10 người khác được vua sủng ái thì còn bị thương nặng hơn nữa. Theo Levecque, vua bị chứng bệnh xung bàng quang (*cystite*).

Ngày 17/6 này, Levecque lại gửi công điện khẩn báo rằng Nguyễn Phước Chiêu không thay đổi tính hạnh gì cả. Các vương phi bị giao phó cho cha mẹ hay người quen biết nuôi; vua đưa vào cung những người đàn bà mới. Cuộc sống của Nguyễn Phước Chiêu là một thứ "*orgie*" [*cộng dục*].

Đồng thời, Levecque cho lệnh toán Hiến binh Pháp ở Huế bí mật theo dõi hành vi Nguyễn Phước Chiêu, và báo cáo địa điểm, cùng giờ giấc vua lui tới mỗi khi xuất cung.

Ngày 18/6, Hiến binh Pháp bắt 5 Cận Vệ của Nguyễn Phước Chiêu. Đây là đội lính riêng của vua, vào khoảng hơn 100 người Hoàng tộc từ 20 tới 24 tuổi, tất cả đều hớt tóc ngắn và cạo răng trắng. Nhiệm vụ chính của họ là tìm gái đẹp cho vua trong các làng xã, bắt kẻ các thiếu nữ ấy và gia đình đồng ý hay chẳng. Moulié, người tiên nhiệm của Levecque, đã tặng cho Nguyễn Phước Chiêu 100 khẩu súng và 12,000 viên đạn để trang bị đội Cận Vệ, dưới sự kiểm soát của Ngô Đình Khả này.

Hôm sau, 19/6, Levecque trở lại Cẩm thành, gặp hai người bị thương, và di tản một cung phi bị thương khác. Cung phi này bị thương ở cả hai đùi, toàn thân và mặt; từng bị treo lên bằng kẹp (*pince*), lưỡi bị thương vì kèm kẹp (*pincée avec des tenailles*). Phi tần này mới 18 tuổi, bị lính của vua bắt cóc hai năm trước. Hôm sau nữa, 20/6, một thiếu phụ tới nhà cha mẹ của nạn nhân ở Quận 6, khuyên cô gái nên trở lại cung cấm, và bị Hiến binh bắt. Theo tờ trình của Hiến binh Huế, Huỳnh Thị Diêu, thiếu phụ 34 tuổi trên, khai là Đội pháo thủ trong Cẩm cung. Bà ta cũng xác nhận Nguyễn Phước Chiêu đã giết chết 11 phụ nữ trong vòng 3 đêm. Một đêm, vua đã giết ba cung phi không dám nhảy qua vòng lửa, dùng dầu nướng họ, rồi cắt thịt phân chia cho mọi người. Một đêm khác, vua cho các cung phi khiêu vũ, và 5 người nhảy vụng bị đổ nước sôi vào cơ quan sinh dục, mắt và mũi. Cảnh tra tấn kéo dài tới 5 giờ sáng. Đêm sau nữa, vua chơi trò chiến tranh Pháp-Tàu. 20 người đóng vai quân Pháp, áo vét trắng, quần *khaki*; 40 người đóng vai lính Tàu, áo và quần bằng vải dầu. Tất cả đều mang súng gắn lưỡi lê. Vua cho lệnh rằng dù đông, quân Tàu phải thua. Sau đó vua ra lệnh mọi người tới bàn ăn. Ba người vào bàn trễ, bị kẹp ngực, sườn và cơ quan sinh dục. Huỳnh Thị Diêu còn khai rằng sau khi từ Bắc Kỳ trở về, vua dùng nước sôi đổ vào cơ quan sinh dục của Công chúa Tám, em út vua.

Ngày 20/6, Levecque báo cáo là suốt năm vua đã có những hành vi tàn bạo và thú vật (*bestalités*). Hơn một tháng sau, ngày 21/7/1906, Levecque viết thư cho Toàn quyền về việc kế vị. Theo Levecque, Nguyễn Phước Chiêu có 7 trai, 15 gái; nhưng không vương phi nào có con trai. Hoàng tử lớn là Vĩnh Trân, 9 tuổi, nhưng mẹ là cung như Trương Thị Thanh, một người xấu. Phần Bửu Đảo, con Nguyễn Phước Biện, không con, và không có khả năng có con.

Giữa thời điểm này, Nguyễn Phước Chiêu phạm một lỗi lầm nặng nề hơn. Vua không gặp các Thượng thư, và bắt tân Thượng thư Bộ Hình [Tôn Thất Hân] chờ tới 15 ngày vẫn không cho yết kiến. Ngày 10/8/1906, vua còn móc súng lục bắn

Ứng Huy, Tả Tôn Khanh (Chủ tịch) Tôn Nhơn Phủ. Đang kinh lý vùng Trà My (Tam Kỳ, Quảng Ngãi)—nơi đang khai khẩn các đồn điền quế—Levecque trở lại Huế vào sáng ngày 14/8, và ngay chiều đó triệu tập một phiên họp đặc biệt của Cơ Mật viện. Mặc dù Nguyễn Phước Chiêu chối là không chủ tâm bắn Huy, chỉ vui đùa, nhưng viên chức Pháp tìm thấy những vết đạn trong phòng. Bởi thế, Levecque đưa ra những biện pháp sau:

1. Gửi ngay 110 lính Cận Vệ, tuyển mộ từ hàng Tôn Thất, khỏi cấm cung.
2. Những Lễ Tù hay Tù Phái cũng bị trục xuất khỏi cung. (7 người)
3. Tất cả vũ khí của vua phải giao nộp cho Tòa Khâm sứ.
4. Bà Chúa Tám, em út vua, phải rời cung, về nhà mẹ.
5. Lập danh sách những phụ nữ ở nhà Thái hậu.
6. Hai cháu gái của vua, một 13 tuổi, một 15 hay 16 tuổi, phải ra khỏi cung.
7. Các chị vua không được lui tới cung điện.
8. Các Hoàng tử anh em vua không được vào cung, trừ trường hợp giỗ, tết.
9. Ngô Đình Khả, chỉ huy Thị vệ, phải báo cáo về những người xấu lui tới cung đình.
10. Từ nay, các lễ tiệc mời Pháp kiều phải qua tay Tòa Khâm.
11. Bà nội vua không được dùng phủ của mình cho vua gặp gỡ đàn bà. Vi phạm sẽ bị đưa về quê.
12. Riêng vua không được rời cung điện vào ban đêm, nếu không có sự chấp thuận của Tòa Khâm sứ. Vua không được lui tới nhà các anh chị em, đặc biệt là nhà Huyện Soái. Nếu Huyện Soái để xảy ra những chuyện tội tệ, sẽ bị giam giữ ngay tức khắc.

Ngày 21/8, Levecque lại yêu cầu chấp thuận những biện pháp gắt gao trên để kiểm soát tính hạnh Nguyễn Phước Chiêu. Bốn ngày sau, Levecque khẳng định cần phải chấm dứt việc vua sống chung với chị ruột và các cháu, cũng như loại bỏ những mưu sĩ xấu quanh vua (như Tam đẳng Thị vệ Hồ Thế Trị). Levecque nhấn mạnh: "Chúng ta sẽ có tội nếu không có những hành động tích cực để mua chuộc lại cảm tình của dân chúng."

Hơn hai tháng sau ngày Nguyễn Phước Chiêu bị cấm rời cung, ngày 30/10, Beau cho lệnh tìm người trong dòng Nguyễn Phước Thăng. Ba ngày sau, 2/11, Levecque đề cử Ứng Ngụy thay Nguyễn Phước Chiêu. Khuyết tật duy nhất của Ứng Ngụy, theo Levecque, chỉ có tội nghiện thuốc phiện. Nhưng Levecque quên không nói rõ là Ứng Ngụy từng làm mật báo cho Levecque về sinh hoạt nội bộ Hoàng tộc.

Ngày 19/11/1906, Bộ trưởng Thuộc địa Raphael Milliès-Lacroix (10/1906-7/1909) yêu cầu Beau báo cáo về tất cả các ứng cử viên, kể cả Cường Để. Một tuần sau, ngày 26/11, Levecque hoàn tất một báo cáo khá dài và tỉ mỉ, đề nghị:

1. Phải loại bỏ Cường Để.
2. Phải loại bỏ Hàm Nghi.

3. Phải loại bỏ việc đưa con Nguyễn Phước Chiêu lên kế vị. Đúng hơn, loại bỏ cả hệ Dục Đức.

4. Đưa con cháu Nguyễn Phước Thăng lên ngôi—Ứng Ngụy, con thứ 8, 36 tuổi, từng được Phan Bội Châu mời làm Minh chủ nhưng từ chối.

5. Giải pháp chót là bắt Nguyễn Phước Chiêu thoái vị, lập một ấu vương lên ngôi, và giữ Phủ Phụ chính.

Ngày 8/12/1906, Beau chuyển báo cáo của Levecque về Bộ Thuộc Địa. Tuy nhiên, mãi tới ngày 21/7/1907, Milliès-Lacroix mới cho biết chính phủ Pháp không chấp thuận việc truất phế Nguyễn Phước Chiêu, nhưng cho phép:

1. cấm túc vua trong cung cấm;
2. thành lập một Phủ Phụ chính, do tình trạng tâm thần của vua.
3. Viện Cơ Mật sẽ hành xử chức phận của phủ Phụ chính, dưới sự chủ tọa của Thượng thư Bộ Hình (Tôn Thất Hân), do Khâm sứ kiểm soát trực tiếp và liên lũy.
4. Toàn quyền cần làm mọi việc để bảo đảm việc thực thi quyết định này;
5. Không thể để vua tẩu thoát, hay lọt vào tay những người khiếm có thể đưa đến sự quá khích (Ki-tô giáo?)

Đang ở Sài Gòn, ngày 23/7, Beau cho lệnh chuyển công điện trên cho Levecque. Ngày 27/7, Chánh văn phòng Toàn quyền cho biết lệnh của Paris sẽ thi hành từ ngày Thứ Hai (29/7/1907); và Chủ tịch Cơ Mật sẽ là Thượng thư Bộ Lại (Trương Như Cương), vì Tôn Thất Hân, một người trong Hoàng tộc, mới lên chức Thượng thư không đủ thâm niên và uy tín điều khiển Viện Cơ Mật. (Hân sau này đưa ra giải pháp đây cả hai cha con Nguyễn Phước Chiêu khỏi Đông Dương; và có nhận xét rằng họ không biết cách sống hạnh phúc)

B. PHẢN ỨNG CHỐNG VIỆC TRUẤT PHẾ:

Thời gian này, việc cấm túc vua tạo nên một chuỗi phản ứng bất ngờ, trên cả hai phương diện dư luận và hậu trường chính trị.

1. Hội truyền giáo:

Trên mặt dư luận, những tờ báo Ki-tô hung hãn chống đối. Báo *L'Avenir du Tonkin* [Tương lai Bắc Kỳ]—mà Hội truyền giáo có cổ phần—phất cờ tiên phong. Beau báo cáo về Paris:

Tiện đây cũng nên nói đến thái độ của Hội truyền giáo trong vụ này.

Có vẻ là Thành Thái đã rửa tội trong một cơn bệnh nặng trước khi lên ngôi [1884]. Hội truyền giáo chẳng bao giờ chống lại vua; vài năm trước Hội đã vận động để cắt cử một giáo dân Ki-tô, [Ngô Đình] Khả, vào chức vụ Cảnh sát trưởng Cẩm thành, chức vụ thân cận cho phép hành xử trên vua những ảnh hưởng trực tiếp và liên lũy. Trong năm ngoái, báo chí công bố rằng Hội đồng Thượng thư, do ông Sarrien chủ tọa, đã thảo luận về hành động điên cuồng

của vua và những biện pháp khe khắt đã được áp dụng, ảnh hưởng của Hội truyền giáo bỗng lên cao trong Cẩm thành. Chính qua sự can thiệp của Hội này mà Nguyễn Phước Chiêu chuyển được một số tiền qua Pháp để tự bảo vệ trên báo chí.

Chính những tờ báo của Hội truyền giáo, nhất là tờ *Tuong Lai Bắc Kỳ*, đã bảo vệ vua và mở những cuộc đả kích hung bạo Khâm sứ [Levecque]. Sau khi vua bị cầm cung, các báo Hội truyền giáo và đại biểu An-Nam và Tonkin [[Henri de Monpézat] ra sức bênh vực Nguyễn Phước Chiêu. Sau đây là một số trích dẫn từ các bài báo trên *L'Avenir du Tonkin*:

Ngày 2/8/1907: Người ta đã phóng đại những lỗi lầm của vua, người ta đã nghiêm trọng hoá (*exaspère*) thay vì thử hướng dẫn vua theo đường chính với những lời khuyên bảo tốt và dịu dàng.... Gã Tam Điem Levecque và thuộc hạ không tha thứ cho Thành Thái vì có một tín đồ Ki-tô tín cần đã quyết trung thành với đức tin bất kể những dọa nạt và sự tù đầy....

Ngày 26 và 27/8/1907: Người ta duy trì vua, nhưng vua thấy bị thương tổn, bị phong tỏa như một tù nhân, và những Jacobins tân thời hân hoan gây khó khăn cho người mà tự bầm sinh đã ở trên họ (*se complaisaient à se montrer grossiers envers celui que la naissance placait au-dessus d'eux...*) Nếu sự chiếm đoạt tài sản của Giáo hội là sự gian lận lớn nhất của thế kỷ, việc truất phế Thành Thái biểu lộ sự bất công bi thảm nhất dưới danh nghĩa nước Pháp (*Si la main-mises sur les biens des congrégations constituées la plus grande escroquerie du siècle, la déposition de Thanh Thai représenterait une injustice funeste au bon nom de la France*).... Nếu có một kẻ điên dại (*dément*) ở Huế, người đó không phải là vua mà chính là F. Levecque, kẻ giết hại tín đồ (*persécuteur*).

Trong thư gửi cho báo *Nền Độc Lập Bắc Kỳ* (*L'Indépendance Tonkinoise*) và được báo này đăng lại, [Henri] de Monpézat, Đại biểu An-Nam, viết:

Ngày 30/8[1907].... Như thế Thành Thái đã cải đạo Ki-tô năm 1905. Tất cả đều rõ ràng: Chính việc cải đạo đã khiến ông ta mất vương quốc và bị tù đầy.... Tội ác duy nhất của Thành Thái là đã cải đạo.... Tôi cảm thấy lúc này một tội ác đã xảy ra ở Huế, một tội ác chống lại tự do lương tâm và tôn giáo... Tội này phải chấm dứt....(33)

33. Báo cáo số 480-S, 20/9/1907, Gougal gửi Colonies, p [6]; Ibid., dossier 9577/3. *L'Avenir du Tonkin* là nhật báo lâu đời nhất ở Bắc Kỳ, thành lập từ năm 1884. Báo này có ảnh hưởng nhất vì xuất bản 8 trang, và số phát hành cao nhất. Tại Bắc Kỳ, thời gian này có 5 nhật báo và 1 bán tuần san; Báo cáo số 527-S, 25/9/1907, Gougal gửi Colonies; Ibid., pièces 1 & 2.

Hội truyền giáo còn bỏ tiền, hoặc giúp Nguyễn Phước Chiêu chuyển tiền qua Pháp, mở chiến dịch tự vệ—nhưng thực chất là "tự vệ" của chính Hội Truyền giáo trước những đợt tấn công của phe Cấp tiến (Radicals), Cộng Hòa và Tam Điem (Freemason). Nói cách khác, Nguyễn Phước Chiêu chỉ là điểm nổ của cuộc chiến tranh lạnh giữa Giáo hội và các viên chức Thuộc địa từ cuối thập niên 1890.

2. Áp lực của các quan lại:

Phía sau hậu trường, việc cấm cung Nguyễn Phước Chiêu —và những tin đồn truất phế vua—cũng gây phản ứng bất lợi trong hàng ngũ quan lại. Tại Bắc Kỳ, người duy nhất ủng hộ quyết định của Levecque và Beau là Hoàng Cao Khải. Tiêu biểu nhất trong nhóm chống đối có Dương Lâm—cựu Tổng đốc Nam Định. Theo Lâm, chẳng ai ưa Nguyễn Phước Chiêu, và ai cũng muốn truất phế. Tuy nhiên, vua là biểu tượng linh thiêng của quốc gia. Chỉ có vua mới được quyền dự lễ tế trời đất. Nhiệm vụ thiêng liêng này không thể ủy nhiệm cho Phủ Phụ chính, với những người như Trương Như Cương hay Nguyễn Hữu Bài. Cách giải quyết tốt đẹp nhất là *lập nên một vua khác, bất cứ ai cũng được*. Hầu hết các quan địa phương ở miền Bắc cùng một ý kiến. Ngay chính Hoàng Cao Khải cũng phải đối ý kiến gờ chót.(35)

35. Báo cáo ngày 16/8/1907, Thống sứ BK gửi Toàn quyền; Ibid.

Tại miền Trung, cá nhân Trương Như Cương và các thành viên của Viện Cơ Mật cũng trở thành mục tiêu của nhiều lời chỉ trích nặng nề.

Ngô Đình Khả—người đã được giao cai quản Thị vệ và an ninh Cẩm thành—bị nghi là gieo rắc những ảnh hưởng tai hại trên vua. Người Pháp cũng nghĩ Khả đã bí mật vận động 154 học sinh Quốc tử Giám gửi cho Khâm sứ Levecque lá thư ngày 15/8/1907, yêu cầu hãy ban cho họ một ông vua mà chỉ nguyên sự hiện diện đủ trấn an tinh thần binh sĩ và các liệt thần của vương quốc.(36)

36. Thư ngày 15/8/1907; Ibid, GGI, dossier 5944.

Những sĩ phu kháng Pháp—đã trở thành những "*fauteurs de désordre*" dưới mắt người Pháp và quan lại trung gian bản xứ—cũng nhân dịp này hô hào chống chế độ. Âm [Lê] Võ tái xuất hiện ở vùng Nghệ An, tuyên truyền rằng việc truất phế vua sẽ khiến quân đội Nhật can thiệp và mọi người phải chuẩn bị cầm khí giới giải phóng quê hương. Cao Đạt, Đề đốc Cần vương An-Tĩnh, rải nhiều truyền đơn và thu thuế một số địa phương. Theo Cao Đạt, lãnh tụ Cần Vương này lưu lạc sang Xiêm đã 10 năm. Ngoài ra, còn có tin Chương vệ Trần Xuân Soạn xuất hiện ở vùng biên giới Bắc Kỳ để móc nối với Đề Thám. Ngay tại Huế, một người tự xưng là con Tôn Thất Thuyết cũng xuất hiện—với giấy giới thiệu của Linh mục de Piré ở Quảng Trị—tung ra những tin chống Pháp.

C. GIẢI PHÁP DUNG HÒA:

Những ngày đầu tháng 8/1907, chiến dịch báo chí chống lại việc truất phế Nguyễn Phước Chiêu và vi phạm "quyền tự do tôn giáo" ở An Nam khiến Bộ Thuộc Địa không khỏi quan tâm. Sau khi được Beau cho biết việc Nguyễn Phước Chiêu đã bị cấm túc từ ngày 29/7/1907—đồng thời đánh giá Tôn Thất Hân chỉ ở mức thông minh "thứ hạng" (*mediocre*), mới nhậm chức được ít tháng, không thể đảm nhiệm chức Cơ Mật Viện trưởng, và Trương Như Cương đã chỉ nhận chức

Chủ tịch Phủ Phụ chính sau khi được Khâm sứ cam đoan rằng chẳng bao giờ Nguyễn Phước Chiêu sẽ được trở lại ngai vàng—ngày 14/8, Paris cho lệnh Beau từ Sài Gòn ra Huế giải quyết.

Beau vội cho lệnh Levecque đặt An thành công Miên Lịch, Chủ tịch Tôn Nhơn Phủ, làm Phụ chính thân thần. Nhờ vậy sự chống đối dịu lại phần nào. Ngày 27/8, Beau ra tới Huế. Trong báo cáo về Paris, Beau nhận xét rằng sự chống đối xảy ra vì Levecque nghĩ rằng có thể thi hành lệnh của Paris [ngày 21/7] một cách nghiêm chỉnh. Mọi lo ngại chính của mọi người là vương quyền sẽ bị xóa bỏ. Các đại thần đều đe dọa là họ sẽ từ chức nếu một giải pháp phù hợp với nguyện vọng của họ không được giải đáp thỏa đáng. Các tỉnh quan cũng có thái độ tương tự. Vì chính phủ không nói rõ muốn lập một hoàng tử nào, mỗi đại thần đưa ra một ứng cử viên có lợi cho sự tiến thân của họ. Trong khi đó từ một tháng qua báo chí đã xuyên tạc sự việc khiến nhân tâm hoang mang. Người nghĩ rằng chính phủ muốn loại bỏ chế độ quân chủ và thực hiện một thể chế giống Bắc Kỳ; người đề cử Hàm Nghi.

Trong hai ngày 27 và 28/8, Simoni, Chánh văn phòng của Beau, thăm viếng các đại thần và yêu cầu họ tự do đề cử vua mới. Tất cả đều tuyên bố rằng họ ủng hộ ý kiến và sự lựa chọn của chính phủ Bảo hộ. Tuy nhiên, trong những buổi tiếp xúc riêng, Trương Như Cương và Tôn Thất Hân đề cử Hàm Nghi. Thượng thư Bộ Hộ Huỳnh Côn không phản đối con thứ 8 của Nguyễn Phước Thặng (Ứng Ngụy). Thượng thư Bộ Lễ [Lê Trinh] cho rằng Nguyễn Phước Chiêu không cần thoái vị. Vua chỉ cần ủy quyền tế lễ cho một Hoàng thân, và quyền cai trị cho Viện Cơ Mật bằng một đạo Dụ. Chưa có một tiền lệ nào trong lịch sử các triều đại, nhưng điều này chẳng có gì ngược lại lễ nghi cổ truyền. Và Lê Trinh đề nghị **nên cử một con của Nguyễn Phước Chiêu kế vị**. Lịch sử đầy rẫy những tiền lệ tương tự từ thời Trần và Lê. Nước Pháp như thế chứng tỏ sự ưu đãi độ lượng một ông vua đã cống hiến sự tận tụy với Bảo hộ. Chỉ có Nguyễn Hữu Bài đề cử Cường Để. Tổng tài sứ quán Cao Xuân Dục, người chịu ảnh hưởng Hoàng Cao Khải, cũng có vẻ muốn chọn Hàm Nghi, nhưng còn nhiều dè dặt (*reservations*). Tham vọng, muốn được một ghế trong Phủ Phụ chính, Dục nói sẽ khởi xướng bất cứ giải pháp nào mà Bảo hộ chấp thuận.

Theo Beau, trong số các ý kiến phát biểu, ý kiến của Bài, thuộc phe Ki-tô giáo, đáng chú ý. Bài là người duy nhất dám phát biểu rõ ràng sự ủng hộ Cường Để, người hiện đang sống ở Nhật Bản. Bài hé lộ sự bất mãn của đảng Truyền giáo Ki-tô, cố tình tìm cách ngăn chặn một giải pháp cho sự khủng hoảng. Để tránh vấn đề trở nên phức tạp, Beau quyết định **cho Nguyễn Phước Chiêu tự giải quyết vấn đề bằng cách chọn một người con của ông ta lên ngôi**. Vì theo Beau, "việc đưa một đứa trẻ lên ngôi, với sự duy trì Phủ Phụ Chính, tự nó là một sự nối tiếp hợp lý của những biện pháp đã thi hành." Cả Trương Như Cương lẫn Nguyễn Hữu Bài cũng đều tuyên bố với Beau là sẵn sàng chấp nhận giải pháp do Lê Trinh nêu ra này.

Được Paris chấp thuận, 2 giờ chiều hôm sau, 2/9/1907, Beau vào Cẩm thành thăm Nguyễn Phước Chiêu. Sau khi Beau thông báo quyết định bắt vua thoái vị và

đưa một hoàng tử của vua lên thay, Nguyễn Phước Chiêu hỏi số phận vua sẽ ra sao. Beau cho biết Nguyễn Phước Chiêu không thể ở lại Huế, và trong vài năm đầu vua sẽ phải xa kinh thành. Sau đó, Beau yêu cầu vua viết chiếu thoái vị ngay vì Phủ Phụ Chính sắp họp. Vua vào thư phòng, rồi trở lại với một lá thư bằng chữ Hán, tuyên bố sẽ thoái vị để nhường ngôi cho một trong 12 người con, do Phủ Phụ Chính lựa chọn. Rồi đưa tay bắt tay Beau.

Beau hỏi hả đến ngay chỗ họp của Phủ Phụ chính. Đa số thành viên đón nhận thư Nguyễn Phước Chiêu với sự hài lòng sinh động, và họ quyết định thảo ngay Chiếu thoái vị. Việc chọn tự quân để lại cho ngày hôm sau.

Hôm sau, 3/9, Phủ Phụ chính họp để bàn luận những lễ nghi, nhưng không chọn được tự quân. Họ chỉ quyết định loại bỏ các Hoàng tử trên 10 tuổi, vì sợ rằng những dấu chàm (*tares*) và khuyết tật (*défauts*) di truyền đã biểu lộ trong tư cách vua. Phủ Phụ chính cũng loại những Hoàng tử còn ấu thơ. Ba Hoàng tử còn lại—tám, bảy và sáu tuổi—được vào vòng chung tuyển. Nhưng các đại thần yêu cầu Beau bàn với Nguyễn Phước Chiêu việc khám nghiệm sức khoẻ ba Hoàng tử hầu họ có thể quyết định ai sẽ là tự quân.

Beau bèn cùng y sĩ Tedeschi, Giám đốc Y tế An Nam, vào gặp Nguyễn Phước Chiêu. Beau trao cho vua một bản chiếu thoái vị, với tên tự quân bỏ trống để vua có thể tự điền vào. Đồng thời, yêu cầu vua cho phép khám sức khoẻ 4 Hoàng tử lớn tuổi nhất. Vua hân hoan nhận lời, và y sĩ Tedeschi bắt đầu khám nghiệm tỉ mỉ bốn Hoàng tử sau một bức trướng. Cuối cùng, Hoàng tử thứ hai, Vĩnh San, mới 8 tuổi (lịch ta), được vua dùng bút son điền tên vào tờ Chiếu thoái vị.(40)

40. Chiếu thoái vị đề ngày 29 tháng thứ 7 năm Thành Thái thứ 18, tức 3/9/1907; BAA (Huế), số 19 (1907), p 631. Xem Phụ bản.

Các đại thần đang chờ đợi ở một phòng gần đó. Hoàng tử Vĩnh San được dẫn tới. Khi các đại thần dẫn tự quân ra đi, Nguyễn Phước Chiêu tuyên bố với giọng bình tĩnh: "Tôi gửi gắm vua cho các ông."

Ngày 17/10/1907, Nguyễn Phước Chiêu rời Huế, mang theo 4 vợ, 10 con, 20 người hầu. Vua có 16 vợ và phi; 24 con. Trong số vợ, 7 người chưa con. Nhị giai Nguyễn Hữu Thị Nga là con Nguyễn Hữu Độ, có 2 con, không muốn theo vua vào Cap St Jacques. Nhất giai Nguyễn Gia Thị (?) là con Nguyễn Thân, và Tam giai, con Trương Như Cương.(41) Ngày 23/10/1907, vua tới Bà Rịa, khởi đầu cuộc sống lưu đầy không ít sóng gió.

41. CAOM (Aix), GGI, dossier 9578/5.

Nguyễn Thị Định, mẹ Vĩnh San, ở lại Huế cùng một công chúa để chăm sóc cho vua mới—mà một thông dịch viên quái ác nào đó của Tòa Khâm dịch niên hiệu sang tiếng Pháp thành “Niềm Vui Mới.”